TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 227/2026/QĐST- HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 23 tháng 9 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn L; sinh năm: 1962

Địa chỉ: tổ T, phường T, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P; sinh năm: 1961

Địa chỉ: tổ T, phường T, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Phùng Thị Huyền T

Địa chỉ: tổ T, phường T, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Trường S1

Địa chỉ: tổ T, phường T, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Văn L; sinh năm 1962

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị P; sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: tổ T, phường T, tỉnh Cao Bằng2**. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị P có tài sản chung là thửa đất số 95 tờ bản đồ số 13 d-I thuộc tổ F (nay là tổ T), phường T, tỉnh Cao Bằng, diện tích 111m^2 và phần tài sản trên đất có giá trị 700.000.000 đồng.

Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận phân chia tài sản như sau: bà Nguyễn Thị P sẽ nhận tài sản chung bằng hiện vật là nhà và đất tại thửa đất số 95 tờ bản đồ số 13 d-I thuộc tổ F (nay là tổ T), phường T, tỉnh Cao Bằng và có trách nhiệm thanh toán cho ông Đinh Văn L 280.000.000 đồng.

Về nợ chung: Các đương sự thừa nhận không có vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyêt.

- Về án phí: Ông Đinh Văn L và bà Nguyễn Thị P mỗi người phải chịu 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí trong vụ án hôn nhân gia đình. Ngoài ra ông Đinh Văn L còn phải chịu 7.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị P còn phải chịu 10.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Tuy nhiên các đương sự là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 1-Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cao Bằng;
- UBND phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hiền